

Chơn Thành, ngày 06 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 112/2025/TLST-DS ngày 18/4/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q; Trụ sở: Tầng A và tầng 2, Tòa nhà S-A A, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V- Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đình T- Chức vụ: Giám đốc khối Mạng lưới kinh doanh Ngân hàng bán lẻ và ông Lê Việt T1- Chức vụ: Giám đốc THN trực tiếp và XLN vùng N1; Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Thái Hồng N - Cán bộ ; Bà Bùi Thị Thúy H - Cán bộ; Ông Bùi Mạnh L - Cán bộ; Ông Lin Anh D - Cán bộ; Tạ Hoàng B - Cán bộ; Địa chỉ liên hệ: Lầu F, Tòa nhà L, số G T, phường I, quận E, thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn:* Ông Bùi Công D1, sinh năm 1987 và bà Trần Thị T2, sinh năm 1992; Cùng địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Bùi Công D1 và bà Trần Thị T2 phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 8476216.23 ngày 01/06/2023; khế ước nhận nợ số 4741351.23 ngày 03/6/2023 và Đề nghị phát hành thẻ ngày 03/06/2023 và Yêu cầu cung cấp dịch vụ thẻ tín dụng ngày 26/01/2024 đã ký kết với ngân hàng TMCP Q, tạm tính đến ngày 29/5/2025 là: 2.710.729.775 đồng (hai tỷ, bảy trăm mười triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc là 2.392.224.727 đồng (hai tỷ, ba trăm chín mươi hai triệu, hai trăm hai mươi tư nghìn, bảy trăm hai mươi bảy đồng), nợ lãi trong hạn là 134.757.308 đồng (một trăm ba mươi tư triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn, ba trăm lẻ tám

đồng), nợ lãi quá hạn là 143.776.457 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi bảy đồng), Phí/lãi phạt là 39.971.283 đồng (ba mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng). Thời gian và phương thức thanh toán: Thanh toán một lần từ ngày 29/5/2025 đến hết ngày 29/8/2025.

Ông Bùi Công D1 và bà Trần Thị T2 tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký kể từ ngày 30/5/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trong trường hợp Ông Bùi Công D1 và bà Trần Thị T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho TMCP Q, Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê biên, phát mại tài sản bảo đảm, cụ thể là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 91, tờ bản đồ số: 7, địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước (nay là khu phố A, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CK 680031, số vào sổ cấp GCN: CS02357 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 12/10/2017, đứng tên Ông Bùi Công D1 và bà Trần Thị T2 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 167, tờ bản đồ số: 7, địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước (nay là khu phố A, phường H, thị xã C, tỉnh B), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 376628, số vào sổ cấp GCN: CS 01974 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 26/07/2017, đứng tên Ông Bùi Công D1.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với Ngân hàng TMCP Q. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên ông D1, bà T2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Q.

2.2. Về án phí: Ông Bùi Công D1 và bà Trần Thị T2 phải chịu án phí với số tiền là 43.107.298 đồng. Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí được trả lại số tiền tạm ứng án phí 41.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004900 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

2.3. Về chi phí tố tụng: Ông Bùi Công D1 và bà Trần Thị Thu C chi phí là 3.000.000 đồng do Ngân hàng đã đóng tạm ứng chi phí nên ông Bùi Công D1 và bà Trần Thị T2 có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- CCTHADS thị xã Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Chu Thị Thu Hà